

Suy nghĩ về mặt số từ trong ngôn ngữ học

Viết bởi Administrator

Thứ 6, 17 Tháng 6 2015 08:27 - Lần cập nhật cuối: Thứ 6, 17 Tháng 6 2015 08:34



Nhà xuất bản *Từ điển bách khoa* vừa cho in một tuyển tập các công trình nghiên cứu của GS Nguyễn Lai – vốn dĩ ông dùng nhũ là bài giảng cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Suy nghĩ về mặt số từ trong ngôn ngữ học

của GSTSKH Nguyễn Lai

TS Lê Đông & PGS TS Nguyễn Văn Chính



Nhà xuất bản *Từ điển bách khoa* vừa cho in một tuyển tập các công trình nghiên cứu của GS Nguyễn Lai – vốn dĩ ông dùng nhũ là bài giảng cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Bài viết này của chúng tôi không hẳn là một bài giới thiệu công trình, đúng hẳn là nhân dịp này chúng tôi muốn trình bày những điểm suy nghĩ riêng về mặt số ý tiếng ngôn ngữ học của GS Nguyễn Lai trong mối liên hệ với Viết ngữ học, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới nghiên cứu nghĩa.

1. Trước hết, xin nói đôi điều về phương pháp nghiên cứu của GS theo cảm nhận của chúng tôi. Có thể thấy, GS Nguyễn Lai là người quan tâm nhiều đến những vấn đề lý luận, lý thuyết. Những lý luận, lý thuyết của ông không chỉ đơn thuần là cách diễn đạt của bản thân lý thuyết, trái lại, nó luôn được vận dụng để xác định những điểm tiếp theo, qua đó, lý thuyết được làm sáng tỏ trong thực tiễn. Đó chính là chỗ khác biệt của GS Nguyễn Lai so với những người khác. Chính nhờ đó một phần, người đọc cũng dễ nhận biết những nét riêng trong tiếng tiếng học của ông. Ông kiên trì theo đuổi một phương pháp làm việc riêng. Thông thường, ông thích làm chuyện nhỏ như những mảnh, thậm chí những hiện tượng cá thể, chứ không phải tiếng Việt (chẳng hạn, một nhóm từ, một danh từ mở rộng. Một từ “nghe” trong thanh điệu, một từ “trời” trong Truyện Kiều, một từ kết cấu “vào Nam, ra Bắc”...) gần gũi với những vấn đề thực tiễn quan niệm lý thuyết mà ông trải qua. Những bài viết trước tiếp với những tiếng để để lập của GS thực ra là để tách ra những gì ông vốn đã suy nghĩ đến, phải suy nghĩ đến khi phân tích các hiện tượng cụ thể.

Trong thực tiễn khoa học, GS Nguyễn Lai quan tâm nhiều đến những nguyên nhân, những mối quan hệ nhân quả, tiếng tác biệt của quy định logic của các số kiến, trừ đi cho những câu hỏi *tại sao*. Có thể nói ông đã sống gần ngôn ngữ học với niềm đam mê không chỉ miêu tả cái

hiện tượng hiện ra mà còn

lý giải

chúng (dạy thuyết, có lẽ là các mô hình

chuyển hóa

nhóm từ chức năng và năng

(tr. 205) cũng như mô hình

giải mã các chức năng nhân văn chức năng

(tr. 309)...

Mặt khác cần khác trong cách nghiên cứu của ông. Đó là tinh thần công khai thác những giá trị của ngôn ngữ học truyền thống, kiên trì đưa vào những tư tưởng triết học Mác xít. Ông không phải là nhà ngôn ngữ học chức năng và mặt khuynh hướng này, mặt truyền thống phái kia, lẽ càng không phải là người đi theo khuynh hướng nào đó như mặt cái mặt. Các đóng góp thực sự của ông tập trung nhiều hơn ở những công trình nghiên cứu áp dụng triết học cách thức nghiên cứu và nêu vấn đề đã sớm được hình thành ngay từ những năm 1970-1980, nhất là khi ông bắt đầu nghiên cứu các *đường từ chức năng từ ngữ Việt*. Có thể nói, trong ngôn ngữ học Việt Nam, GS Nguyễn Lai là người đã sớm mở ra những góc nhìn hay đường hướng nghiên cứu có sự góp phần với nhiều quan niệm mà gần đây, cùng với sự phát triển của ngôn ngữ học trên thế giới, đã trở thành quen thuộc với chúng ta (đ dĩ nhiên các hướng nghiên cứu đó trong ngôn ngữ học hiện nay đã có mặt quy mô, mặt chi tiết sâu khác nhau).

2. Như đã nói, GS Nguyễn Lai được biết quan tâm từ vấn đề nghĩa cùng với lẽ lẽ thì số có của người ít nhiều từ nghiên cứu thực tiễn sáng tác văn chức năng. Có lẽ do vậy mặt phần mà trong quan niệm của ông về nghĩa nên lên một số điểm đáng chú ý:

a. Ông tập trung quan điểm nghĩa là *hiện từ ngữ tâm lý*, và do đó nó gần liền mặt thì từ với hoạt động tâm lý như những của con người (điều này thì hiện rõ nhất qua chuyên đề *quá trình từ nhân văn chức năng* của ông).

b. Nghĩa, đối với ông, đường nhiên là sự phần ánh song Nguyễn Lai ít dùng chữ 'phần ánh'. Ông thích gọi đó là *sự đường hóa như những thực hiện thực vào ngôn ngữ*. Cách nói này phần của mặt nội dung quan niệm đang nằm trong các chữ miêu tả quá trình theo thói quen của ông ...

Nghĩa là sự phần ánh thế giới vào ngôn ngữ song đó là sự phần ánh xuất phát cách nhìn, cách cảm nhận những nhu cầu mục đích của công đường bằng chữ đường và mặt lẽ ch số - văn hóa.

Quá trình đó, trong cách nói của ông, giống như có một cái máy đã cài đặt từ để ngôn ngữ thông số như để nh, ngữ pháp ta từ ngữ hóa đi như cái không quan trọng, tập trung vào tiêu điểm chú ý nêu bật cái mà chủ thể quan tâm hay làm chủ thể quan tâm. Chủ thể ngôn ngữ “chủ nhìn thấy” cái có ý nghĩa, cái có giá trị với đời sống của con người. Tóm nhìn số có để c này của GS Nguyễn Lai quán xuyến trong cách xác định *cái chủ hình thành nghĩa* với đời sống của con người xã hội sâu xa của nó.

Cùng, cái nội dung để c của định nghĩa vào hệ thống ngôn ngữ (nghĩa, nội dung quan niệm) bao gồm cũng chủ yếu như số chủ định của cái hệ thống đã để c xác lập mà nó tham dự vào. Mặc dù có sự phân loại phạm trù hóa như – với Nguyễn Lai - *nghĩa* đây luôn bao hàm mặt số *chu*

ý nghĩa
từ cái này sang cái kia,
trần

từ cái này sang cái kia (thực chất là không phải bao gồm cũng có một để ngôn phân giải để thoát).

3. Mặt tuy nhiên đóng góp khác của GS Nguyễn Lai là như ngữ từ trong của ông về ngữ nghĩa ngữ pháp, về nghiên cứu ngữ pháp hóa và ngữ động học.

Quan tâm rất nhiều từ như ngữ động từ chủ động, Nguyễn Lai cùng lúc đã gọi mặt ra, đã x lên nhiều vấn đề. Ông nhìn thấy từ ngữ liên từ ngữ Viết như ngữ vấn đề ngữ nghĩa trong hiện tượng gọi là *hóa*. Với ông - trong lập trình và cả trong như ngữ gọi tìm kiếm các thao tác phân tích chủ thể - hiện tượng này không phải là mặt nghĩa, trình nghĩa. Mà đây là mặt số vấn đề bên đời có thể chủ ra - qua như ngữ biến, như ngữ quan hệ - về quá trình làm hình thành như ngữ *nghĩa mới* thu được mặt kiến nghĩa khác của hệ thống ngôn ngữ phức tạp. Thế nghĩa này có thể gọi với chủ năng biến từ quan hệ ngữ pháp và như ngữ khía cạnh khác thu được về phạm vi biến thái để tâm lý, cảm xúc đánh giá, sự từ ngữ tác động người nói và người nghe. Tóm đó có thể thấy tính nhiều mặt của ngữ pháp hóa, cũng do vậy, rõ ràng, không có một để ngôn ranh giới siêu hình giữa thực và hư.

GS Nguyễn Lai tìm kiếm số ngữ nghĩa của như ngữ kết hợp ngữ pháp, và với GS, mặt cách rất từ nhiên, tìm kiếm cách của ngữ của yếu tố ngôn ngữ biến hiện trong khả năng kết hợp của nó, trở thành mặt *thực pháp* quen thuộc để nắm bắt cái thực nghĩa có trong cảm nhận đích thực của người biến ngữ mà ông gọi là *hệ giao tiếp*, là sự thái ngữ nghĩa có phạm vi chủ thể “tình từ” “rất khó xác định” và ngôn ngữ học từ từ phải làm sao “có để số mặt” để từ ngữ minh họa như ngữ hiện tượng. Ông viết: “Số lý giải của chủ ngữ pháp hoàn toàn không thể tách rời với của ngữ nghĩa...”, “Tính quy định của ngữ nghĩa đời với ngữ pháp gọi như là mặt nguyên từ...”

Xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu ngôn ngữ và từ số phân tích có trình độ m các từ tiếng c a Mác, GS Nguyễn Lai đã chú ý tới những điểm quan trọng từ tiếp tác động đến quá trình xử lý ngôn ngữ của ngôn ngữ học mặt cách sâu hơn, nhiều chi tiết hơn và đang còn chờ để quan tâm đúng mức, ít nhất cũng là vào kho ngôn ngữ gian ngôn năm 1970 - 1980.

Ông nhiều lần nhấn mạnh “Giao tiếp là hành vi xã hội, và vì tiếp cận ngôn ngữ trao đổi thì cùng mặt hành vi đó, không thể cho đến thu nhận là hành vi cá nhân và ngược lại cũng không thể cho đến thu nhận là hành vi xã hội”. Không dừng ở đó, ông phát triển thêm, “trong thực tế giao tiếp, trao đổi cái gì (...) từ nhiên đã là phạm trù nội dung rồi”, “muốn có mặt giá trị thông báo thì không thể không lấy để tiếp ngôn ngữ thông báo làm đích”, “khi nói đến giao tiếp là nói đến truyền để trao đổi thông báo để hành động”...

Như quán xuyến học thực quan điểm trên, Nguyễn Lai đã lí giải *m nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh* trong thực hành tiếp nhận và hành vi xã hội đang được chia sẻ trong lí luận cập nhật ngày nay. Theo GS, lí luận cập nhật (vấn đề năng động, hành vi xã hội, vấn đề) đang được ông chia sẻ “không phải là đi quá cao xa, trái lại. “đó là mặt cách để hình thành lí luận ngày càng cập nhật và triển khai vào thực tiễn đời sống xã hội” - nội dung là hiện thực tiếp xúc mà chính thức đó và qua đó HCM đã đúc kết từ nghiên cứu, đem lại sự sống thực tiễn cho cách dùng mặt chữ ngôn ngữ trong tầm nhìn ngôn ngữ của chính HCM

Như vậy, về thực chất, GS Nguyễn Lai đã cảm nhận được cái nhu cầu cần thiết phải triển khai và đi sâu hơn nữa trong nghiên cứu ngôn ngữ vào phạm vi đời sống và mặt tinh thần biểu hiện mà ngay cả hiện nay, đôi khi vì quá nhấn mạnh đến mặt này mặt khác, chúng ta ít quan tâm tới.

Như mọi người đã nói, Nguyễn Lai thấy sự tồn tại của thơ nghĩa (nghĩa chứ không phải là cái gì khác đời với ngôn ngữ học) gắn với việc biến đổi thái độ, tâm lý cảm xúc, sự tác động liên nhân... của những tiếp xúc phát triển các kỹ thuật phân tích cùng bộ máy công cụ siêu ngôn ngữ để miêu tả. Chính cái thơ *nghĩa* này – vốn có trong các thơ ngữ, đời biết, các hình thức, các yếu tố tình thái đánh giá, các kiểu cấu trúc - trong nhiều công trình nghiên cứu gần đây, được coi là cái làm thành hình thức nhân văn của thể loại văn học, thuộc phạm vi văn học ngôn ngữ học thực do tính chất được mã hóa, được ngữ pháp hóa hay được diễn hóa trong hình thức ngôn ngữ của chúng.

Lý giải các ý kiến của Mác, như đã nói, ông nhận mạnh đến giao tiếp ngôn ngữ như một hình thức hoạt động xã hội. Cái hoạt động này là hình thức ngôn ngữ của ta đến như cái đích xa hơn (hình thức hành động); nói bằng thuật ngữ của ông đến như đó là hành vi ngôn ngữ (hành vi thể loại, mô hình thể loại). Không chỉ có thế, ông đến như thơ như một đến như cái đến như tính văn xã hội và cá nhân, đến như tính thông qua ngôn ngữ, qua truyền đến như nội dung (điểm này, theo chúng tôi, làm cho giao tiếp ngôn ngữ trong khi là hành động như các kiểu hành động khác thì đến như thơ cũng có những đến như riêng biệt khác biệt). Đó là một tinh thần biện chứng của thi thuật.

Được biết đáng nói hơn, tôi chỉ xem giao tiếp thông qua hoạt động của ngôn ngữ theo quan điểm của Mác, GS Nguyễn Lai là người đi đầu tiên có đi sâu vào nghiên cứu và hiểu đến như, phát hiện *điểm nhìn kinh điển trong hình thức đời của ngôn ngữ học tri nhận*. Luận điểm có sự thuyết phục về mặt khoa học này được ông nhận mạnh như sau : “*Điểm nhìn kinh điển trong hình thức đời của ngôn ngữ học tri nhận ngày nay thực không phải là mặt xã xác định tùy hình ngữ. Các khía cạnh mang tính khách thể này có thể lý giải,*

mặt mặt

, tôi chỉ sâu trong mối liên hệ hình thức của biến đổi sự trở lại chức năng giao tiếp xã hội của ngôn ngữ trong sự không phân biệt giữa ngôn ngữ và tôi nói theo cách nhìn kinh điển của Mác (điểm mà giới nghiên cứu trong nhiều thập kỷ trở lại đây đang ngày càng hình thức); và

mặt khác

, có thể lý giải bằng sự tồn tại đa nguyên thể tin hiểu học của Saussure đến như lý luận tiếp xúc quan giữa hình và hình liên tiếp trong tính chất hình thức đến như của các đến như ngôn ngữ đang tồn tại nghĩa giao tiếp”.(tr.66)

Nhìn chung, có thể nói được rằng, tôi duy khoa học trong cách lý giải *điểm nhìn ngôn ngữ HCM* cũng như *điểm*

nhìn kinh điển trong hình thức đời của ngôn ngữ học tri nhận

có thể coi là kết quả tích hợp nhiều với tôi theo tiêu chuẩn có được trong tiếp xúc ngôn ngữ học của GS TSKH Nguyễn Lai. Và, điểm này, tôi tiếp tục nhìn bao quát nhất của mình, chính về GS trên 85 tuổi đã có dịp tiếp xúc ...: Ngôn ngữ - dù biến đổi và phát triển như thế nào, và ngôn ngữ - dù được khai thác theo hình thức nào, nếu không bị xuyên tạc – tạc là

Suy nghĩ về mặt số học trong ngôn ngữ học

Viết bởi Administrator

Thứ 6, 17 Tháng 6 2015 08:27 - Lần cập nhật cuối: Thứ 6, 17 Tháng 6 2015 08:34

không thể tách rời khỏi những hành động xã hội cho con người

- thì nó không thể thoát li khỏi những quy luật mang tính chân lý để có phát hiện một cách đúng đắn về chi tiết sâu theo những ngôn ngữ thông qua thực tiễn và những pháp luật khác... ./.